

Bản án số: 291/2024/HC-PT

Ngày 25/7/2024.

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn**

ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 154/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1394/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Y G Êban và bà H Ayũn

Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1990 (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023).

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B:

1. Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Võ Quang H - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Y G Êban và bà H Ayũn trình bày:*

Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 91 (nay là thửa đất số 219) diện tích 1.100,8m², trong đó có 135m² đất ở, tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu của ông Y T Lul Niê là bố đẻ của bà H. Do vợ chồng ông, bà không có đất ở, nên năm 2014, ông Y T Lul cho vợ chồng ông, bà xây dựng căn nhà ở cấp 4 trên thửa đất số 219. Ngày 31/10/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9115/QĐ-UBND thu hồi 259,7m² đất, thuộc thửa đất số 219 để xây dựng đường giao thông Quốc lộ 26, căn nhà ở của vợ chồng ông, bà nằm trên diện tích đất bị thu hồi. Sau khi bị thu hồi đất, gia đình ông, bà không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã E, thành phố B. Vợ chồng ông, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị UBND thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư để xây dựng nhà ở nhưng không được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ và Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì hộ gia đình ông, bà đủ điều kiện để được giao 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao cho gia đình ông, bà 01 thửa đất tái định cư, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố B.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:*

Ngày 31/10/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9115/QĐ-UBND thu hồi 259,7m² đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 219, tờ bản đồ số 91, diện tích 1.100,8m², trong đó có 135m² đất ở, tại xã E, thành phố B của hộ gia đình ông Y T Lul Niê để xây dựng công trình đường giao thông đoạn Quốc lộ 26 (km 145 + 800 Quốc lộ 14). Căn nhà cấp 4 của vợ chồng bà H nằm trên diện tích đất bị thu hồi. Sau khi thu hồi đất, gia đình ông Y T Lul Niê vẫn còn đất ở trên thửa đất số 219, ông Y G Êban và bà H Ayũn là con rể và con gái của ông Y T Lul không thuộc đối tượng bị thu hồi đất nên không đủ điều kiện

được giao đất tái định cư. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y G Êban và bà H Ayũn.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ, Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y G Êban và bà H Ayũn.

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ gia đình ông Y G Êban, bà H Ayũn là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình ông Y G Êban, bà H Ayũn 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2024, ông Lê Đại T - là người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố B kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện - ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX bác kháng cáo của UBND thành phố B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện - ông Lê Đại T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trương Văn C, ông Võ Quang H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y G Êban, bà H Ayũn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 91, diện tích 1.100,8m², trong đó có 135m² đất ở, tại xã E, thành phố B thuộc quyền sử dụng đất của ông Y T Lul Niê, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/11/2018. Năm 2013, ông Y T Lul Niê cho vợ chồng con gái là bà H Ayũn, ông Y G Êban xây dựng căn nhà ở cấp 4 trên thửa đất số 219. Ngày 31/10/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9115/QĐ-UBND thu hồi 259,7m² đất nông nghiệp, thuộc một phần thửa đất số 219 của gia đình ông Y T Lul Niê để xây dựng đường giao thông, đoạn Quốc lộ 26 (km 145 + 800 Quốc lộ 14). Căn nhà ở của vợ chồng bà H Ayũn, ông Y G Êban nằm trên diện tích đất bị thu hồi. Tại thời điểm thu hồi đất, gia đình bà H Ayũn, ông Y G Êban không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã E, thành phố B.

[2.2] Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng ông Y T Lul Niê đã nhận tiền bồi thường, đã bàn giao mặt bằng, còn đất ở và hộ gia đình bà H Ayũn không thuộc đối tượng bị thu hồi đất nên không giao đất tái định cư cho hộ gia đình bà H Ayũn là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ: tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ quy định: “Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường nơi có đất ở bị thu hồi, thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất, khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”. Đồng thời, tại Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk cũng quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp, đất nhận chuyển nhượng không đúng quy định...) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất, không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi, thì được xem xét giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất. Thửa đất giao tại nơi tái định cư, là thửa đất

có diện tích nhỏ nhất trong khu tái định cư”. Như vậy, hộ gia đình bà H Ayũn, ông Y G Êban đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Việc UBND thành phố B từ chối giao cho hộ gia đình bà H Ayũn, ông Y G Êban 01 thửa đất tái định cư là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Ayũn và ông Y G Êban, tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ gia đình bà H Ayũn, ông Y G Êban là trái pháp luật và buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình bà H Ayũn, ông Y G Êban 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố B phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C phủ, Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y G Êban và bà H Ayũn.

1. Tuyên bố hành vi của UBND thành phố B không giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ gia đình ông Y G Êban, bà H Ayũn là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao cho hộ gia đình ông Y G Êban, bà H Ayũn 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012877 ngày 20/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự, người bảo vệ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên